**CHUYÊN ĐỀ VĂN THUYẾT MINH**

Trong chương trình Ngữ văn lớp 8 học kì 1, ngoài văn tự sự học sinh còn được học văn thuyết minh. Theo đó, trong một bài văn thuyết minh, có 2 yếu tố học sinh cần nắm chắc. Một là đối tượng thuyết minh: nó có thể là đồ vật, con vật, cây cối, sự việc, con người, tác phẩm, thể loại văn học… Hai là về thông tin thuyết minh: học sinh có thể quan sát trực tiếp đối tượng để tìm ra đặc điểm, tính chất của chúng. Đối với những đối tượng không thể quan sát thì ta phải dựa vào nguồn tư liệu, sách vở để tham khảo. Yêu cầu thông tin trong bài văn thuyết minh phải chính xác, đầy đủ những đặc điểm tiêu biểu và đặc trưng nhất. Ngoài ra, sự mới mẻ để bài viết cuốn hút người đọc là điều học sinh cần lưu ý. Bài văn thuyết minh không chỉ đơn thuần là liệt kê các đặc điểm, tính chất của đối tượng mà cần có yếu tố sáng tạo để tạo sự khác biệt cho bài văn.

**A. Những kiến thức cơ bản.**

1. ***Khái niệm văn thuyết minh***.

Văn thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện t­ượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng ph­ương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. tài liệu Thu Nguyễn

2. ***Mục đích của văn bản thuyết minh***.

Đem lại cho con ngư­ời những tri thức chính xác, khách quan về sự vật, hiện t­ượng để có thái độ, hành động đúng đắn.

3. ***Tính chất của văn bản thuyết minh***.

Tri thức chuẩn xác, khách quan, hữu ích

4. ***Ngôn ngữ của văn bản thuyết minh***.

Có tính chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động.

5. ***Các b­ước làm bài văn thuyết minh***.

\_ Xác định đối t­ượng thuyết minh.

\_ Tìm hiểu kĩ đối tư­ợng thuyết minh bằng cách quan sát trực tiếp hoặc tìm hiểu qua sách báo, vô tuyến truyền hình hay các ph­ương tiện thông tin đại chúng khác.

\_ Xác định rõ phạm vi, tri thức khách quan, khoa học về đối t­ượng cần đ­ược thuyết minh đó.

\_ Lựa chọn ph­ơng pháp thuyết minh.

\_ Tìm bố cục thích hợp cho bài thuyết minh.

6. ***Các ph­ương pháp thuyết minh***:

\_ Ph­ương pháp nêu định nghĩa, giải thích:

Là ph­ương pháp chỉ ra bản chất của đối tư­ợng thuyết minh, vạch ra phư­ơng pháp lô gíc của thuộc tính sự vật bằng lời lẽ rõ ràng, chính xác, ngắn gọn. Trong ph­ương pháp nêu định nghĩa thư­ờng sử dụng từ *là*.

\_ Phư­ơng pháp liệt kê:

Là phư­ơng pháp lần l­ượt chỉ ra đặc điểm, tính chất của đối tư­ợng theo một trật tự nào đó.

\_ Ph­ương pháp nêu ví dụ:

Là ph­ương pháp thuyết minh sự vật bằng cách nêu dẫn chứng thực tế. Dùng cách này ta có thể thuyết minh, giải thích rõ ràng hơn, tạo ấn t­ượng cụ thể cho ng­ười đọc.

\_ Ph­ương pháp dùng số liệu:

Là ph­ương pháp dẫn con số cụ thể để thuyết minh về đối tư­ợng. Bài văn thuyết minh càng có thêm tính khoa học chính là nhờ vào phư­ơng pháp này.

\_ Ph­ương pháp so sánh:

Là cách đối chiếu hai hoặc hơn hai đối t­ượng để làm nổi bật bản chất của đối tư­ợng cần thuyết minh. Có thể dùng so sánh cùng loại hoặc so sánh khác loại nh­ng điểm đến cuối cùng là nhằm để người đọc hình dung rõ hơn về đối t­ượng đ­ược thuyết minh. tài liệu Thu Nguyễn

\_ Ph­ương pháp phân loại, phân tích:

Là cách chia đối tư­ợng ra từng loại, từng mặt để thuyết minh.

***7. Các dạng văn thuyết minh***.

***Dạng 1***:

Thuyết minh về một thứ đồ dùng.

***Ví dụ***:

+ Giới thiệu về chiêc kính.

***Dạng 2***:

Thuyết minh về một cách làm.

***Ví dụ***:

Giới thiệu cách làm món nộm.

***Dạng 3***:

Thuyết minh về một thể loại văn học.

***Ví dụ***:

+ Thuyết minh về thể thơ thất ngôn bát cú Đư­ờng luật.

+ Thuyết minh về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt

***Dạng 4***:

Thuyết minh về một tác giả, tác phẩm văn học.

***Ví dụ***:

Giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi.

***Dạng 5***:

Thuyết minh về một di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh.

***Ví dụ***:

+ Giới thiệu về vịnh Hạ Long.

+ Giới thiệu về chùa Một Cột.

+ Giới thiệu về đền Hùng.

+ Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.

+ Giới thiệu về động Phong Nha.

**Dạng 6.** Thuyết minh về con vật nuôi có ích.

**B, Cách làm các dạng văn thuyết minh**

1. ***Cách làm bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng***.

**a. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về đồ dùng.

**b. Thân bài:** Lần lượt trình bày nội dung:

**-** Lịch sử, nguồn gốc của đồ dùng.

**-** Cấu tạo của đồ dùng: hình dáng, chất liệu, các bộ phận,…

**-** Tính năng hoạt động.

**-** Cách lựa chọn, cách sử dụng, cách bảo quản.

**-** Lợi ích của đồ dùng.

**c. Kết bài:** Nhấn manh tầm quan trọng, tiện ích của đồ dùng trong cuộc sống.

**Lưu ý:** Khi viết thành bài văn cần chú ý cách diễn đạt: cụ thể, chi tiết, có số liệu chính xác...Dùng các phương pháp thuyết minh phù hợp. Ngôn ngữ, văn phong trong sáng, khoa học. Có sử dụng yếu tố miêu tả nhưng tránh sa vào làm văn miêu tả.

***Đề 1***:

Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

**Lập dàn ý chi tiết:**

1. ***Mở bài***:

\_ Hình ảnh ng­ười phụ nữ Việt Nam th­ường gắn với hình ảnh chiếc nón lá duyên dáng.

\_ Chiếc nón lá Việt Nam gợi đến vẻ đẹp truyền thống tao nhã, kín đáo và đằm thắm, đoan trang.

1. ***Thân bài***:

***a, Nguồn gốc:***

* Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nắng lắm, mưa nhiều vì vậy từ lâu chiếc nón lá đã trở thành người bạn không thể thiếu đối với người nông dân đặc biệt là người phụ nữ.
* Chiếc nón lá đã xuất hiện từ rất lâu trong đời sống của người dân Việt Nam. Chúng ta bắt gặp hình ảnh chiếc nón lá được khắc trên trống đồng Ngọc Lũ cách đây khoảng 2500 năm trước công nguyên.

***b,***  **Hình dáng, màu sắc của nón.**

* Hiện nay có rất nhiều loại nón như nón thúng quai thao, nón lá,…nhưng chiếc nón lá có dạng hình chóp vẫn là phổ biến nhất. Nó được làm từ lá nón, lá móc, vành tre và chỉ cước để khâu.

- Nón có màu trắng.

***c,***  **Nguyên liệu làm nón.**

* Để làm ra được chiếc nón đẹp người thợ phải mất rất nhiều công từ việc chọn lá, phơi lá, chuốt vành, khâu nón rồi đường kim, mũi chỉ phải đạt được sự khéo léo, tinh xảo.

Lá nón phải chọn lá bánh tẻ bởi lá non thì yếu, lá già thì rễ rách. Lá vừa là lá có độ màu trắng sữa, gân lá màu xanh nhẹ, mặt lá bóng mướt.. Để đạt tiêu chuẩn đó lá phải được xử lí đúng kĩ thuật: là sau khi lấy về cần được sấy khô bằng củi than sau đó đem phơi sương từ 2-4 giờ, sau đó là lá cho phẳng rồi cắt bớt phần đầu, phần đuôi còn 50cm là được. tài liệu Thu Nguyễn

***d,* Cách làm nón, các phần của chiếc nón.**

* Vành nón được làm bằng cật tre chẻ nhỏ, vuốt tròn, nhẵn, sau đó uốn thành vòng tròn nối hai đầu bằng sợi cước nhỏ.
* Đưa nón lên khung gồm 16 vành, vành nhỏ nhất là ở chóp nón khoảng 1cm, càng xuống thấp vành nón càng lớn.
* Tiếp theo đến giai đoạn lợp lá. Nón được lợp hai lớp, lớp trong và lớp ngoài, lớp trong lợp khoảng 20 lá, lớp ngoài lợp khoảng 30 lá, khi lợp ngọn lá hướng lên trên.
* Khâu nón: Đây là giai đoạn quan trọng nhất để làm ra một chiếc nón đẹp. Khâu từ đỉnh trước rồi dần xuống vành nón, mũi khâu phải thật đều, thẳng hàng.
* Khâu trang trí: lòng nón được trang trí bằng hoa văn, bức tranh phong cảnh, hoặc hình bông hoa, cô gái mặc áo dài, đỉnh nón người ta đính một hạt nhỏ, gương nhỏ, hai bên nón có dây bằng chỉ màu để buộc quai nón.
* ở nước ta có nhiều làng nón nhưng nổi tiếng nhất ở Miền Bắc là nón làng Chuông( huyện Phú Xuyên- Hà Nội), miền Trung nổi tiếng là nón Ba Đồng, Quảng Nam và nón Huế.

**e, Công dụng và giá trị:**

* Nghề làm nón phù hợp với mọi lứa tuổi từ trẻ em đến người già để tăng thêm thu nhập cho gia đình.
* Giá của một chiếc nón đẹp dao động trong khoảng từ 80-100 nghìn đồng.
* Nón dùng để che mưa, che nắng và tôn thêm vẻ đẹp của người phụ nữ Niệt Nam.
* Chiếc nón lá Việt Nam là một phần của cuộc sống người Việt.
* Cùng với chiếc áo dài, nón lá là biểu t­ượng cho vẻ đẹp của ng­ười phụ nữ, cho một nét văn hoá thanh lịch của ngư­ời Việt Nam.
* Chiếc nón lá đã đi vào thơ ca, nhạc họa đặc biệt là điệu múa nón được bạn bè yêu thích và đánh giá cao. Để lưu giữ hình ảnh chiếc nón xưa và nay người dân ta thừờng có câu: “ Muốn ăn cơm trắng cá mè
* Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông.

**g,** **Cách bảo quản:**

* Cần bôi lên lớp dầu thông bóng nhoáng hoặc có thể bọc bên ngoài một lớp ni lông để tránh bị bẩn và đồng thời tạo độ bền, tránh bị hỏng khi trời mưa.
* Khi dùng xong phải cất vào chỗ bóng râm hoặc để lên cao không phơi ngoài nắng sẽ làm cong vành, lá nón giòn và ố vàng làm mất tính thẩm mĩ và giảm độ bền của nón khiến nón dễ hỏng.

**h,** Nón là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam. Nón lá là nét đẹp, duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam mà không phải đất nước nào cũng có được.

1. **Kết bài:** Khẳng định vị trí, giá trị của chiếc nón lá Việt Nam trong cuộc sống hôm nay và mai sau

**\*\*\*Tham khảo bài viết sưu tầm:**

Xã hội ngày càng phát triển, đã có nhiều loại mũ, nón mới ra đời song chiếc nón lá vẫn giữ nguyên đ­ược những giá trị tốt đẹp của mình và trở thành niềm tự hào của văn hoá dân tộc.

Nón lá là hình ảnh bình dị, thân quen gắn liền với tà áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Từ xưa đến nay, nhắc đến Việt Nam du khách nước ngoài vẫn thường trầm trồ khen ngợi hình ảnh chiếc nón lá – tượng trưng cho sự thanh tao của người phụ nữ Việt. Nón lá đã đi vào ca dao, dân ca và làm nên văn hóa tinh thần lâu đời của Việt Nam.

Bạn có còn nhớ trong thơ của Nguyễn Khoa Điềm, chiếc nón lá hiện lên rất tự nhiên, gần gũi:

Sao anh không về thăm quê emNgắm em chằm nón buổi đầu tiênBàn tay xây lá, tay xuyên nónMười sáu vành, mười sáu trăng lên

Như vậy mới thấy được rằng nón là là biểu tượng cho sự dịu dàng, bình dị, thân thiện của người phụ nữ Việt từ ngàn đời nay.

Chiếc nón lá ra đời từ rất lâu, khoảng 2500-3000 năm TCN. Lịch sử hình thành và lưu giữ cho đến ngày nay đã chứng tỏ được sự bền vững của sản phẩm này. Chiếc nón lá hiện diện trong cuộc sống hằng ngày của người dân việt, đặc biệt là người phụ nữ; hiện diện trong những lời kể của bà, của mẹ và hiện diện trong các cuộc thi gìn giữ nét đẹp văn hóa.

Nhắc đến nón lá thì chắc chắn mọi người sẽ nghĩ đến ngay đến Huế, mảnh đất nên thơ, trữ tình có tà áo dài và nụ cười duyên của cô gái Huế. Huế cũng được biết là nơi sản xuất nón lá với nhiều thương hiệu nổi tiếng. Những làng nghề làm nón lá ở Huế đã thu hút không ít khách du lịch ghé thăm và chọn sản phẩm này làm quà. tài liệu Thu Nguyễn

Để làm được chiếc nón lá đẹp thì người làm cần phải tinh tế, tỉ mỉ từ khâu lựa chọn nguyên liệu, cách phơi lá, cách khâu từng đường kim mũi chỉ. Người ta vẫn bảo làm ra một chiếc nón lá cần cả một tấm lòng là vì vậy.

Nón lá có thể được làm từ lá dừa hoặc lá cọ. Mỗi loại lá lại mang đến sự khác nhau cho sản phẩm. Thường thì những sản phẩm nón làm từ lá dừa có nguồn gốc từ Nam Bộ, vì đây là nơi trồng dừa nhiều. Tuy nhiên làm từ lá dừa sẽ không đẹp và tinh tế như lá cọ. Lá cọ có độ mềm mại, chắc chắn hơn. Khi lựa chọn lá cũng phải chọn những chiếc lá có màu xanh, bóng bẩy, có nổi gân để tạo nên điểm nhấn cho sản phẩm. Quá trình phơi cho lá mềm để dễ làm cũng cần từ 2-4 tiếng, lá vừa mềm vừa phẳng.

Khâu làm vành nón là khâu vô cùng quan trọng để tạo khung chắc chắn cho sản phẩm. Người dùng cần phải lựa chọn nan tre có độ mềm và dẻo dai. Khi chuốt tre thì cần phải chuốt tỉ mỉ để đến khi nào có thể uốn cong mà không sợ gãy. Sau đó người dùng sẽ uốn theo những đường kính từ nhỏ đến lớn tạo thành khung cho nón lá sao cho tạo thành một hình chóp vừa vặn.

Khi đã tạo khung và chuẩn bị lá xong đến giai đoạn chằm nón. Đây là giai đoạn giữ cho khung và lá bám chặt vào nhau. Thường thì người làm sẽ chằm bằng sợi ni long mỏng nhưng có độ dai, màu trắng trong suốt.

Lúc chiếc nón đã được khâu xong thì người dùng bắt đầu quết dầu làm bóng và phơi khô để dầu bám chặt vào nón, tạo độ bền khi đi nắng mưa.

Đi dọc miền đất nước, không nơi nào chúng ta thấy sự hiện diện của chiếc nón lá. Nó là người bạn của những người phụ nữ khi trời nắng hoặc trời mưa. Không chỉ có công dụng che nắng, che mưa mà nón lá còn xuất hiện trong các tiết mục nghệ thuật, đi đến các nước bạn trên thế giới. Nét đẹp văn hóa của nón lá chính là nét đẹp cần được bảo tồn và gìn giữ. Nhắc đến nón lá, chắc chắn chúng ta sẽ nghĩ ngay đến tà áo dài Việt Nam, bởi rằng đây là hai thứ luôn đi liền với nhau, tạo nên nét đặc trung riêng của người phụ nữ Việt Nam từ ngàn đời nay.

Để giữ chiếc nón lá bền với thời gian thì người dùng cần phải khéo léo, bôi dầu thường xuyên để tránh làm hỏng hóc, sờn nón.

Chiếc nón lá Việt Nam là sản phẩm của người Việt, làm tôn thêm vẻ đẹp của người phụ nữ, và khẳng định sự tồn tại lâu đời của sản phẩm này.

...............................................................................................................

***Đề 2***:

Giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam.

**\*\*Lập dàn ý chi tiết:**

1. ***Mở bài***:

- Đã từ lâu, áo dài là hình ảnh quen thuộc của ng­ười phụ nữ Việt Nam gắn bó thân thiết với chiếc áo dài.

- Chiếc áo dài Việt Nam là loại trang phục truyền thống thể hiện đư­ợc giá trị văn hoá của ng­ười phụ nữ.

2. ***Thân bài***:

1. Nguồn gốc: Aó dài là trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt nam. Cho đến nay vẫn chưa ai biết được nguồn gốc chính xác của chiếc áo dài. Ngược dòng thời gian, tìm về cội nguồn hình ảnh chiếc áo dài với hai tà áo thướt tha đã được tìm thấy ở các hình khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ cách đây vài nghìn năm. Ban đầu còn thô sơ nhưng cũng rất đẹp, kín đáo. Chúng ta cũng biết đến ó dài thời vua chúa trong cung đình Huế.
2. Cấu tạo: Aó dài gồm 3 phần: cổ áo, thân áo và tay áo.

* Thân áo: có 2 tà là tà trước và tà sau được may cách chân khoảng 5-10cm.
* Cổ áo: áo dài truyền thống đưuọc thiết kế cổ cao, ôm sát , tạo vẻ kín đáo cho người phụ nữ. Tuy nhiên, hiện nay với phong cách hiện đại thì cổ áo cũng được cách tân, người ta có thể may áo dài cổ tròn, cổ thuyền.
* Tay áo không có cầu vai, may liền kéo dài từ cổ đến cổ tay.
* Ngày nay, áo dài thường được may cách tân: tà áo có thể ngắn, dài theo sở thích của người mặc, tay áo cũng ngắn dài theo mùa nhưng nét đẹp vốn có của áo dài vẫn không hề bị thay đổi.
* Áo dài thừng dược may ôm sát cơ thể để tạo vẻ mềm mại, uyển chuyển., trên thân áo thừng được trang trí những họa tiết khác nhau, chất liệu của chiếc áo dài thường là lụa, gấm, nhung, …vùa mềm mại vừa nhẹ lại có nét thanh thoát cho người mặc.

1. Công dụng và ý nghĩa:

* Áo dài chiếm vị trí đọc tôn trong các dịp lễ hội cũng như giao dịch quốc tế. Khách quốc tế đến Việt Nam đều trầm trồ khi ngắm những tà áo dài vừa kín đáo, vừa e ấp gợi được những nét mảnh mai của người phụ nữ Việt Nam.
* Áo dài còn xuất hiện trên các diễn đàn, các sân khấu trong và ngoài nước, các buổi tọa đàm về nghệ thuật thời trang, các cuộc thi hoa hậu.

Chiếc áo dài là hioeenj thân của người phụ nữ Vietj Nam, là trang phục mang nét đặc trưng của dân tộc đã được UNESSCO công nhận là di sản phi vật thể. Hình tượng của chiếc áo dài xuất hiện trên các tem thư, nhà sách và trở thành đề tài cho các nghệ sĩ tạo nên các tác phẩm tuyệt bút: ” Tà áo em bay bay trên phố nhẹ nhàng” hay “ Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát; Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.” tài liệu Thu Nguyễn

* Ngày nay, thời trang phát triển như vũ bão, có rất nhiều sản phẩm được ra đời nhưng không có gì có thể thay thế được tà áo dài duyên dáng, thanh lịch của con người Việt Nam.

1. Cách bảo quản

- Sau khi mặc, phải giặt nhẹ nhàng bằng tay và phơi trong gió mát.

- Treo lên mắc và cất vào tủ đứng để tránh cho áo dài bị mất phom và nhăn nhúm sẽ lam giảm vẻ đẹp và độ sang trọng của áo dài.

- Khi là không là với nhiệt độ quá cao để giữ dáng áo, đặc biệt không được làm gãy cổ áo.

3. ***Kết bài***:

- Chiếc áo dài đã trở thành một biểu t­ượng đẹp đẽ về ngư­ời phụ nữ Việt Nam, là hình ảnh đặc trư­ng của văn hoá dân tộc.

- Mỗi ngư­ời Việt Nam đều có quyền tự hào về loại trang phục độc đáo này của dân tộc.

............................................................................................................

***Đề 3***: Thuyết minh về chiếc bút bi.

Dàn ý chi tiết:

**1. MỞ BÀI**

Giới thiệu khái quát về cây bút bi (là phát minh quan trọng, vai trò to lớn trong viết và rèn chữ,...).

**2. THÂN BÀI**

\* Giới thiệu nguồn gốc của bút bi:

- Người phát minh: nhà báo Hungari Lazo Biro.

- Thời gian phát minh: những năm 1930.

- Lý do phát minh: phát hiện loại mực dùng in giấy rất nhanh khô, nghiên cứu để làm ra loại bút sử dụng loại mực này.

\* Cấu tạo cơ bản của bút bi: Chiếc bút bi có cấu tạo rát đơn giản, hình trụ, thon nhỏ ở phần dầu bút dài khoảng từ 14-18 cm, đừng kính khoảng 0,5 cm. Bút bi được cấu tạo bởi hai bộ phận chính: vỏ bút và ruột bút.

- Vỏ bút: Là bộ phận bên ngoài được làm từ chất liệu nhựa cứng để bảo vệ bộ phận bên trong và cho người sử dụng dễ cầm, nắm, để thu hút được sự chú ý của người dùng. Nhà sản xuất thường tạo ra nhiều mẫu mã đa dạng, nhiều màu sắc phong phú. Trên vỏ bút được trang trí bằng những họa tiết, hoa văn đẹp và có. Vỏ bút hình ống trụ, dài14-15 cm. Đầu trên của bút còn có một chiếc quai cài thường dùng để cài vào túi áo hoặc sách vở cho tiện.

- Phần quan trọng hơn của chiếc bút là ruột bút. Ruột bút được làm từ chất liệu nhựa dẻo, chứa mực đặc hoặc mực nước. Gắn với ống mực là ngòi bút. Ngòi bút được làm bằng kim loại không gỉ. Trên đầu ngòi bút được gắn một viên bi nhỏ. Mỗi khi viết, viên bi lăn tròn đẩy mực ra ngoài làm cho mực đều đặn hơn khi viết.

\* Có hai loại bút bi phổ biến là bút bi có nắp đậy và bút bi có lò xo. Với loại bút bi có lò xo thì bộ phận không thể thiếu trong ruột bút là lò xo và nút bấm. Có thể coi nút bấm là bộ phận điều khiển khi muốn hoặc không muốn sử dụng. Khi sử dụng thì chỉ cần bấm nút để lò xo ấn xuống đẩy bút ra ngoài. Khi không sử dụng thì bấm bút để ngòi thụt vào và bảo vệ ngòi bút.

\* Công dụng:

- Bút bi dùng để viết chữ, nó được nhiều người ưa chuộng vì nó nhẹ trơn, viết rất nhanh,nét bút đều đặn, rõ ràng không gây bẩn. Hơn nữa, giá thành bút bi lại rẻ( khoảng từ 3-5 nghìn đồng một chiếc). Khi hết mự dễ thay ngòi phù hiowpj với túi tiền của mọi người nhất là học sinh.

- Bút bi còn có thể được dùng làm món quà tặng hay vật kỉ niệm nhỏ gọn và ý nghĩa.

\* Cách bảo quản:

- Mỗi lần viết xong ta phải đậy nắp lại hay bấm cho ngòi bút thụt vào để tránh làm bút khô mực.

- Khi hết mực có thể thay nguyên phần ngòi, phần vỏ giữ lại và không được vứt bừa bãi ra môi trường.

- Những ngày trời lạnh, bút thường hay bị khô mực, cần ngâm vào nước ấm là sẽ viết được bình thường.

- Khi dùng tránh để bút rơi xuống đất vì lúc đó mực sẽ bị tắc hoặc bị rò mực.

**3. KẾT BÀI:**

- Bút bi là người bạn nhỏ luôn đồng hành với mọi người. Chúng ta học tập và làm việc đều cần đến bút bi. Nó là người bạn đồng hành, đáng tin cậy nhất.

BÀI THAM KHẢO

Trong cuộc sống xung quanh chúng ta, có một vật dụng mà chúng ta sử dụng hằng ngày nhưng lại không để ý nhiều đến nó. Đó chính là cây bút bi. Hôm nay, tòi sẽ giới thiệu với các bạn vật dụng này.

Chúng ta đều mua và sử dụng bút bi như thế nhưng ít ai biết được nguồn gốc, xuất xứ của nó. Người xin cấp bằng sáng chế bút bi đầu tiên trên thế giới là một người thợ thuộc da người Mĩ tên là John Loud vào năm 1888 nhưng không được khai thác thương mại. Mãi cho đến năm 1938, một biên tập viên người Hungari tên là Laszlo Biro vì quá chán nản với việc sử dụng bút mực nên ông đã sáng chế ra cây bút bi viết bằng mực in báo khô nhanh và ngày 15 tháng 6, ông được cấp bằng sáng chế của Anh Quốc. Từ khi ra đời đến nay, bút bi không ngừng được cải tiến để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Với các thương hiệu nổi tiếng như “Ba”, “Hoover", “Xeros” và đặc biệt là thương hiệu “Bic Cristal”. Từ năm 1940. ngày sinh nhật của Biro ngày 29 tháng 9 đã trở thành ngày của những nhà phát minh ra bút bi. Bây giờ thì các bạn đã biết ai là người phát minh ra bút bi và được ra đời vào năm nào rồi chứ? tài liệu Thu Nguyễn

Để hiểu rõ hơn về bút bi, tôi sẽ nói qua về cấu tạo của nó. Nếu cây bút bi của bạn tháo ra được, bạn sẽ thấy được bên trong có một ống ruột. Trong ống ruột có một đoạn mực đặc. Phần dưới đầu bút có một viên bi rất nhỏ, chỉ từ không phẩy bảy đến một mi-li-mét. Viên bi này chuyển động lăn giúp mực in lên giấy khô và nhanh. Bút bi có rất nhiều loại khác nhau, có loại làm bằng nhựa cứng, có loại làm bằng kim loại màu,...và nhiều nguyên liệu khác. Loại làm bàng nhựa cứng thường được dùng một lần, đến hết mực rồi bỏ. Còn loại kim loại màu có giá thành cao hơn nhưng lại được thay mực và sử dụng lại nhiều lần. Nắp bút hi cùng rất đa dạng. Có dạng nắp rời ra, khi dùng tháo nắp gắn lên đầu, dùng xong đậy lại. Còn dạng nắp gắn liền với thân, khi dùng bấm nút để đẩy ngòi bút ra, không dùng bấm nút đẩy ngòi ngược vào trong. Bên cạnh đó, bút bi còn có rất nhiều kiểu khác, như là nắp bút xoay,...

Mỗi năm, vào dịp chuẩn bị cho năm học mới, các hãng sản xuất bút bi ớ Việt Nam như “Thiên Long”, “Bến Nghé" lại đưa ra nhiều mẫu mã mới từ đơn giản đến cầu kì để đáp ứng cho người tiêu dùng.

Muốn sử dụng bút bi bền lâu, ta cần phải biết cách sử dụng và bảo quản bút bi. Khi viết, chúng ta phải để bút hơi nghiêng từ 40 đến 60°, đặc biệt tránh vừa nằm vừa viết. Khi dùng xong, cần phải đậy nắp lại ngay để tránh bút rớt làm hư đầu bi. Vì đầu bi là bộ phần quan trọng nhất của bút nên nếu hư đầu bi thì bút sẽ không dùng được. Phải để bút luôn nằm ngang để mực luôn lưu thông trong ống. Tôi sẽ chỉ cho các bạn một mẹo nhỏ để sử dụng bút bi. Khi để bút lâu không dùng mực trong ống sẽ bị khô, đừng vội bỏ cây bút mà hãy bỏ bút vào một lượng nước nóng vừa phải ngâm từ mười đến mười lăm phút. Cây bút của bạn sẽ được phục hồi.

Như chúng ta đều biết, bút bi đã đi vào cuộc sống của ta một cách quen thuộc. Nó vừa rẻ tiền lại vừa tiện dụng. Chúng ta có thế thấy nó nằm ở trên bàn, trong túi hay trong xe hơi,... Những nơi nào cần viết sẽ có sự hiện diện của bút bi. Ngoài ra. bút bi còn được dùng tặng miễn phí như một dạng quảng cáo. Gần đây, còn xuất hiện hình xăm bằng bút bi,...

Ý nghĩa của cây bút bi rất quan trọng đối với học sinh chúng ta, chúng ta dường như sử dụng nó mỗi ngày. Bút bi là một vật vô tri, nó không những tạo ra những con chữ đầy ý nghĩa mà còn, nếu chúng ta sử dụng một cách chuyên cần, bút bi sẽ tạo ra những bài văn hay, những trang viết đẹp. Để trở thành người chủ "tài hoa" của bút bi, học sinh chúng ta cần phải giữ vở sạch, rèn luyện chữ đẹp, trao đổi kiến thức. Hãy biến bút bi - cây bút vô tri của bạn trở thành một công dụng cần thiết, một trợ thủ đắc lực trong công việc học tập bạn nhé!

.....................................................................................................

***Đề 4***: Thuyết minh về bộ đồng phục.

Lập dàn ý chi tiết:

1. **Mở bài**

* Mỗi ngành nghề đều có đồng phục. Nhìn bộ đồng phục đó họ biết làm nghề gì, ở đâu.
* Học sinh cũng đêu có đồng phục, tôi tự hào vơí bộ đồng phục của mình.

1. **Thân bài**

**\*Nguồn gốc**

- Trên thế giới học sinh mặc đồng phụcđã trở thành thói quen từ xa xưa.

- Ở miền Bắc nước ta khoảng từ năm 1985 việc mặc đồng phục mới được đặt ra và ngày nay mới trở thành thói quen của học sinh.

**\* Cấu tạo**

- Đồng phục trường tôi mang hai màu truyền thống là trắng- kẻ caro đen trắng và xanh tím than có sự phối màu rất trang nhã.

- Là trường ở miền Bắc nên đồng phục trường tôi có bộ mùa hè và mùa đông.

- Đồng phục mùa hè có áo sơ mi trắng( dài tay và cộc tay), áo được may bằng vải cô-tông mềm mại thấm mồ hôi; cổ áo may kiểu Đức, có chân cổ nên quàng khăn đỏ rất đẹp.

+ Áo nam may có túi trước ngực, áo tay ngắn, may suôn, tay dài, cổ tay cài măng- séc.

+ Áo nữ may dài ngang hông không có túi trước ngực và sát người hơn.

- Quần: Nam may ống đứng dài vừa phải, có hai túi bên sườn tiện cho việc để chìa khóa.

- Quần nữ may gọn hơn, hợp với dáng để mặc.

- Đồng phục mùa đông: chỉ thêm một lớp bu-dông, hai lớp rộng khoác ra ngoài áo len, áo vải vùa ấm, vùa gọn gàng, áo nam và áo nữ giống nhau chỉ khác về kích cỡ. Áo kéo khóa kín đến tận cằm , tay áo và gấu áo có may chun rất gọn gàng.

- Thân áo và tay áo màu xanh ở dưới, màu trắng ở trên.

- Điểm chung của đồng phục mùa đông và mùa hè là ở tay áo bên trái gần vai có thêu lô-gô của trường. Lô-gô hình ảnh cách điệu của trang sách rộng mở và ngọn đuốc sáng nổi bật trên nền màu xanh da trời, phía dưới là tên trường có màu đỏ.

- Phù hiệu rất đơn giản nhưng lại là lời nhắc nhở sâu sắc tới học sinh( nhắc nhở cái gì?)

**\* Ý nghĩa**

- Nhà trường quy định tất cả các ngày trong tuần học sinh đều mặc đồng phục,.

- Đồng phục khiến chúng tôi ngăn nắp, gọn gàng hơn chứ không ăn mặc tùy tiện được.

- Đồng phục tạo nên sự bình đẳng: ai cũng mặc giống nhau chỉ khác là ai cẩn thận giữ gìn sạch sẽ hơn thôi.

- Đồng phục rèn cho chúng tôi có ý thức hơn bởi vì nhìn vào đồng phục mọi người biết học sinh đó ở trường nào.

**\* Cách bảo quản**

- Sau mỗi ngày đi học về cần giặt sạch sẽ, phơi khô, gấp ngăn nắp để vào tủ quần áo.

- Khi mặc cần giữ gìn sạch sẽ đặc biệt tránh để mực dây vào áo sẽ khó giặt.

1. **Kết bài**: Nói tóm lại, chúng ta cần nhận thức được những giá trị của chiếc áo đồng phục đem lại. Từ đó trân trọng giữ gìn nó, đó cũng là cách chúng ta thể hiện tình cảm của mình với thầy cô, với mái trường và với những kỷ niệm thân thương.

***Đề 5***: Giới thiệu quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

**Dàn ý chi tiết:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

**2. Thân bài**

\* Hình thức :

- SGK Ngữ văn 8 tập 1 do nhà xuất bản giáo dục phát hành và dưới sự cho phép của bộ Giáo dục và đào tạo.

- Kích thước 17x24cm.

- Cầm cuốn sách trên tay ta có thể nhìn thấy dòng chữ “ Ngữ văn 8 tập 1” nổi bật trên nền màu hồng. Phía góc trên bên trái của cuốn sách là dòng chữ màu đen: Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Giữa quyển sách có hình những bông hoa thủy tiên màu vàng, góc dưới cùng bên phải là loogo và tên của nhà xuất bản.

- Lật bìa sau của cuốn sách, ta thấy hình ảnh huân chương Hồ Chí Minh thể hiện chất lượng và uy tín của sách.

\* Nội dung( Cấu tạo)

- Cũng giống như loại sgk khác sgk Ngữ văn 8 tập 1 cũng có phần mục lục giúp cho học sinh dễ dàng tìm các bài học mà mình cần.

- Sách được chia thành 17 bài học, mỗi bài tương ứng với 4 tiết văn một tuần ở trên lớp.

- Cấu trúc mỗi bài được sắp xếp khoa học và hợp lý: phần đầu của mỗi văn bài là khung kết quả cần đạt. Nó dùng để thâu tóm những nội dung mà học sinh cần phải học và nắm chắc. Sau đó là nội dung từng phần của bài, mỗi bài luôn bao gồm đỉu các nội dung văn bản, tiếng việt và tập làm văn. tài liệu Thu Nguyễn

+ Văn bản: Thể loại của văn bản lớp 8 tập 1 là văn bản tự sự và văn bản nhật dụng, ngoài ra còn học một số văn bản thơ giai đoạn 1900-1945.

+ Tiếng việt: Phần Tiếng việt của sgk Ngữ văn 8 tập 1 tiếp tục cung cấp cho học sinh kiến thức về các biện pháp tu từ( nói quá, nói giảm- nói tránh), rèn cách sử dụng từ chính xác, biểu cảm( từ tượng hình, từ tượng thanh, trường từ vựng), phần ngữ pháp giúp các bạn hiểu cấu trúc của câu ghép, công dụng của các laoij dấu câu… đặc biệt là các ví dụ và các bài tập đều được lấy từ các văn bản đã học, giúp học sinh khắc sâu kiến thức và vận dụng tốt.

+ Tập làm văn:

. Tập trung vào hai nội dung cơ bản là văn tự sự và văn thuyết minh.

. Văn tự sự ở lớp 8 yêu cầu cao hơn: học sinh phải biết hóa thân vào nhân vật hoặc kể chuyện theo một ngôi kể mới đồng thời phải biết đưa các yếu tố miêu tả và biểu cảm để bài văn thêm sinh động hơn.

. Văn bản thuyết minh là một thể loại văn bnar mới giúp mở mang kiến thức của học sinh trên nhiều phương diện.

* Ý nghĩa
* Sgk Ngữ văn 8 tập 1giúp ta phát triển các kĩ năng trong cuộc sống:

. Kĩ năng Đọc- hiểu: học sinh đọc văn bản hiểu được nội dung văn bản từ đó nắm được mục đích và ý nghãi mà tác giả muốn phản ánh.

. Kĩ năng viết( tạo lập văn bản)

. Kĩ năng giao tiếp: hằng ngày chúng ta nói chuyện với rất nhiều người nhưng mà nói sao cho lưu loát, nói sao cho có duyên.

* Bồi dưỡng tâm hồn: giúp ta sống tốt hơn, biết cảm nhận của cuộc sống nhiều điều xung quanh, biết yêu thương và chia sẻ, xây dựng cho chúng ta lòng kiên trì và nghị lực để vượt qua thử thách trên đường đời.

\* Sử dụng và bảo quản:

- Thể hiện thái độ đối với sách: luôn mang theo đi học và khong được vứt ở nhà, không vẽ bậy lên sách, không xé sách để làm việc riêng. Chúng ta cần bọc sách cẩn thận để bảo vệ sách không bị ướt, rách, bẩn sách.

- Học tốt môn ngữ văn là cách thể hiện lòng trân trọng đối với nó.

**3. Kết bài:** Cảm nghĩ về quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

**- Cuốn sách giáo khoa** Ngữ văn 8 tập 1 là tài sản của tri thức nhân loại, thấm đượm mồ hôi và công sức của biết bao giáo sư, tiến sĩ, nhà giáo cho những học sinh học tập nên người.

**Tham khảo bài viết:**

Sách là người bạn đồng hành quen thuộc với con người. Trong suốt sự học cả đời của mỗi người, sách chính là trợ thủ đắc lực nhất. Một trong những cuốn sách đến với chúng ta đầu tiên khi còn đi học là sách giáo khoa. Nói về sách giáo khoa, bạn biết gì về sách Ngữ văn 8 tập 1 mà chúng mình vẫn học?

Sách Ngữ Văn 8 – Tập 1 là một trong bộ sách giáo khoa đưa vào giảng dạy chính cho môn Ngữ Văn lớp 8 trong học kỳ một. Nhà xuất bản Giáo dục phát hành sách dưới sự cho phép của Bộ Giáo dục và đào tạo. Sách được tái bản nhiều lần qua các năm để thay đổi phù hợp hơn với chương trình học. Sách ra đời có nội dung hoàn chỉnh phải trải qua nhiều công đoạn công phu. Đó là kết quả nghiên cứu mệt mài của rất nhiều giáo sư, tiến sĩ hàng đầu trong chuyên ngành và sự góp sức của các thầy cô dạn dày kinh nghiệm trên cả nước. Nổi bật trong số đó phải kể đến Nguyễn Khắc Phi (tổng chủ biên), Nguyễn Hoành Khung (Chủ biên phần Văn), Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên phần Tiếng Việt), Trần Đình Sử (Chủ biên phần Tập làm văn)...Chế bản do Công ty cổ phần thiết kế và phát hành sách giáo dục đảm nhận.

Sách gồm 176 trang, được in theo khổ giấy 17 x 24 cm, độ dày gáy 0.5cm. Bên trong sách được in với loại giấy nâu sẫm không phản quang rất thân thiện, dễ nhìn. Bên trong sách bao gồm nội dung của chương trình học và một số hình ảnh minh họa. Các tranh ảnh đều in trắng đen, chủ yếu là các hình vẽ minh họa. Bao bọc lấy cả cuốn sách là bìa. Bìa trước nổi bật dòng chữ Ngữ Văn 8, tập 1 được tô màu xanh dương trên nền bìa hồng phấn. Với kích thước các chữ cái và màu sắc hài hòa, bìa sách dễ gây ấn tượng, phù hợp với tuổi khám phá mộng mơ của lứa tuổi học trò. Thân bìa được trang trí thêm hoa, lá vàng, xanh đầy sinh động. Đầu trang bìa là dòng chữ: Bộ giáo dục và Đào tạo. Bên phải phía cuối bìa là Logo Nhà xuất bản Giáo dục.

Bìa sau của sách có nền trắng đơn giản. Phía trên cùng lần lượt in hình Huân chương Hồ Chí Minh và Vương miện kim cương chất lượng quốc tế, biểu tượng cho tinh thần cao quý của dân tộc và chất lượng sách. Phía dưới in tên các loại sách thuộc các môn học trong chương trình lớp 8 bằng màu đen: Ngữ Văn 8 (tập một, tập hai), Lịch sử 8, Địa lí 8, Giáo dục công dân 8, Âm nhạc và Mĩ thuật 8, Toán 8 (tập một, tập hai),…, Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh 8, Tiếng Nga 8…). Góc phải dưới cùng dán tem đảm bảo và giá bán. Góc trái là mã vạch sản phẩm. Cả cuốn sách trang trí đơn giản mà rất sinh động.

Sách Ngữ Văn 8 tập 1 là quyển sách nối tiếp từ lớp 6, lớp 7 với hệ thống 17 bài, tương ứng với 17 tuần học. Mỗi bài lại gồm 4 bài nhỏ cung cấp tri thức phong phú, hoàn thiện. Về nội dung, sách có cấu tạo 3 phần gồm Văn bản, Tiếng Việt và làm văn. Ngoài ra còn có phần giới thiệu và phần lí luận văn học.

Phần cơ bản nhất là phần Văn bản, là hệ thống các văn bản văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945, văn bản văn học nước ngoài, văn bản nhật dụng. Văn bản văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945 được lựa chọn các tác phẩm “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “Lão Hạc” (trích “Lão Hạc”– Nam Cao), “Tức nước vỡ bờ” (trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” (Phan Bội Châu), “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Chu Trinh), “Muốn làm thằng cuội” (Tản Đà), “Hai chữ nước nhà” (Trần Tuấn khải). Văn học giai đoạn này ra đời giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 nên đó là những câu chuyện về đời sống của nhân dân Việt Nam, khát khao sống và chiến đấu. Mỗi tác phẩm lại có một giá trị riêng, nhưng tổng kết lại nó đều bồi đắp thêm tình yêu thương con người, tình yêu cuộc sống, tinh thần yêu nước cho mỗi học sinh.

Phần văn bản văn học nước ngoài là các tác phẩm xuất sắc của các nhà văn nổi tiếng thế giới, của nền văn học nhân loại như: “Cô bé bán diêm” (Andecxen), “Đánh nhau với cối xay gió” (trích Đôn-ki-hô-tê) – Xecvantec, “Chiếc lá cuối cùng” (Trích) – O.Henri, “Hai cây phong” (trích “Người thầy đầu tiên”) – Ai-ma-tốp. Đó là những câu chuyện được lựa chọn từ những tác phẩm văn học đồ sộ thế giới mang những màu sắc khác nhau của cuộc sống. Qua nhân vật và câu chuyện của nhân vật, mỗi tác phẩm sẽ gửi gắm một thông điệp riêng, đem đến bài học nhân sinh sâu sắc. Học sinh thấu hiểu, cảm thông và biết trân trọng giá trị con người hơn. Từ đó nghe thấy tiếng nói chung của con người trên khắp thế giới về đấu tranh và bảo vệ quyền sống. tài liệu Thu Nguyễn

Phần văn bản nhật dụng đề cập đến những vấn đề gần gũi, nóng bỏng trong cuộc sống hiện nay như môi trường, tệ nạn xã hội, dân số. Bao gồm: Thông tin về ngày trái đất năm 2000, Ôn dịch thuốc lá, Bài toán dân số. Các văn bản được đưa vào sách với mục đích nâng cao nhận thức cho học sinh về các vấn đề đang xảy ra xung quanh, định hướng hành động thực tiễn cho các em.

Nội dung tiếp theo là phần Tiếng Việt. Cấu trúc phần này gồm: Cấp độ khái quát của từ ngữ, Trường từ vựng, Từ tượng hình – Từ tượng thanh, Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, Trợ từ – Thán từ, Tình thái từ, Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt), Nói quá, Nói giảm – Nói tránh, Câu ghép, Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm, Dấu ngoặc kép, Ôn luyện về dấu câu,… Những bài học nối tiếp từ lớp 7 có vai trò nâng cao khả năng về ngôn từ, ngữ pháp cho học sinh để vận dụng vào viết văn là giao tiếp hàng ngày. Đồng thời giúp các em hiểu thêm sự giàu đẹp của tiếng Việt và bồi đắp thêm tình yêu tiếng nói dân tộc.

Ở phần làm văn, học sinh được rèn luyện, củng cố một số kĩ năng tạo lập văn bản như: xây dựng bố cục, xây dựng đoạn văn, liên kết đoạn văn. Chương trình Tập làm văn 8 nâng cao hơn lớp 7 trên nhiều phương diện. Các phương thức biểu đạt được học trước trở thành tiền đề cho phương thức biểu đạt thuyết minh – kỹ năng quan trọng của phần làm văn lớp 8. Thuyết minh không xuất hiện nhiều trong lĩnh vực văn chương nhưng lại hết sức thông dụng trong các lĩnh vực đời sống. Chính vì thế, nó giúp học sinh hình thành và rèn luyện phương pháp thuyết minh một sự vật, hiện tượng trong cuộc sống theo tri thức khoa học chính xác và khách quan. Bên cạnh đó, phần làm văn còn nâng cao kỹ năng kể chuyện, nghị luận về các tác phẩm văn học. Các em sẽ có khả năng thể hiện tình cảm, cảm xúc tốt hơn qua những câu văn. Từ đó hình thành nền tảng ngôn ngữ và lý luận sắc bén Đây cho các bài văn nghị luận văn học khi lên lớp 9.

Sách Ngữ văn lớp 8 có vai trò, tác dụng lớn trong quá trình học tập môn ngữ văn của học sinh. Sách giúp học sinh tiếp cận với những tác phẩm văn học nổi tiếng được truyền qua nhiều thế hệ để thấy được giá trị của nghệ thuật. Học văn, tình cảm được bồi đắp, tâm hồn bay bổng, thanh thản, nhẹ nhàng hơn làm dịu đi những áp lực căng thẳng của cuộc sống. Đặc biệt, sách có ý nghĩa giáo dục to lớn, rèn luyện cho ta nhiều kiến thức trong việc giao tiếp hàng ngày dù là thể hiện dưới mọi hình thức. Bồi đắp thêm những tình cảm, đức tính tốt đẹp như yêu thương và cảm thông với con người. Từ đó biết trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống của mình hơn.

“Sách là ngọn đèn bất diệt của trí tuệ”. Sách Ngữ văn 8 tập 1 cũng là một ngọn đèn soi sáng trí tuệ chúng ta. Hãy bảo quản, giữ gìn sách khi sử dụng để có được hành trang cho chặng đường tiếp thu, chiếm lĩnh tri thức.

***Đề 6***: Thuyết minh về chiếc kính mắt.

**1. Mở bài:** giới thiệu chung về kính đeo mắt (Là vật dụng cần thiết để bảo vệ mắt, làm đẹp, ... có nhiều loại kính đeo mắt như: Kính thuốc, kính áp tròng, kính thời trang).

**2. Thân bài:** thuyết minh về chiếc kính đeo mắt

***\* Nguồn gốc***

- Mắt kính ra đời đầu tiên ở Ý và vào năm 1920.

- Đầu tiên thiết kế của kính chỉ có hai mắt kính nối với nhau băng một sợi dây đè lên mũi.

- Đến 1930 một chuyên gia quang học ở Anh sáng chế ra hai gọng kính.

***\* Cấu tạo***: Gồm 2 bộ phận chính: mắt kính và gọng kính.

- Mắt kính: Là thứ không thể thay đổi cấu tạo gốc và có hẳn một tiêu chuẩn quốc tế riêng. Mắt kính ban đầu có hình tròn hoặc vuông. Sau khi chọn được gọng phù hợp sẽ được mài cắt cho vừa khít với gọng đó. Tùy vào công dụng mà sử dụng các mắt kính khác nhau. Mắt kính được làm từ thủy tinh hoặc nhựa nhưng đều tuân thủ nguyên tắc chống tia uv và tia cực tím.

+ Mắt kính thủy tinh: mắt kính này trong suốt nhưng có nhược điểm là dễ vỡ

+ Mắt kính nhựa: mắt kính này có ưu điểm là nhẹ nhưng nhược điểm là dễ xước

- Gọng kính: chiếm 80% vẻ đẹp của kính là một bộ phận nâng đỡ mắt kính và là khung cho chiếc kính. Giưa phần gọng trước và phần gọng sau có một khớp nối nhỏ bằng sát để có thể gấp kính lại gọn gàng khi không dùng nữa. Gọng kính cũng có 2 loại là gọng nhựa và gọng kim loại. tài liệu Thu Nguyễn

+ Gọng kim loại: gọng này dược làm bằng sắt, đeo cảm thấy cứng cáp và khó chịu

+ Gọng nhựa: gọng nhựa rất dẻo bền và chịu được áp lực khi bị tác động.

+ Có một loại gọng được làm bằng ti tan rất nhẹ có thể bẻ cong mà không gãy.

- Ngoài hai bộ phận chính là mắt kính và gọng kính còn có các bộ phận phụ như ốc, vít. Chúng có kích thước khá nhỏ nhưng lại rất quan trọng dùng để đeo giữ các bộ phận của chiếc kính.

***\* Các loại kính:*** có hàng trăm loại kính khác nhau phù hợp nhu cầu và chức năng của chúng đối với người dùng.

- Kính thuốc: kính dùng cho người có bệnh về mắt như kính cận, kính loạn, kính lão,….

- Kính lão dùng cho người già, mắt yếu, hoặc bảo vệ mắt

- Kính râm là kính bảo vệ mắt khi đi ngoài trời

- Kính thời trang là vật trang điểm, tạo dáng cho mắt và khuôn mặt

**\* Lựa chọn kính:** chúng ta cần theo tư vấn của bác sĩ, không nên đeo loại kính có độ làm sẵn vì loại kính này được lắp hàng loạt theo những số đo nhất định nên không phù hợp với từng người.

**\* Cách bảo quản:**

- Kính có gọng nên sử dụng nhẹ nhàng, dùng xong nên lau chùi cẩn thận, bỏ vào hộp.

- Kính áp tròng cần nhỏ mắt từ 6-8 lần trong vòng 10-12 h để bảo vệ mắt.

**3. Kết bài:**Suy nghĩ về kính đeo mắt và lợi ích của nó.

* Kính là một vật không thể thiếu trong đời sống hiện đại.
* Chiếc mắt kính đeo mắt là một phát minh khoa học, đồng thời cũng là vật dụng quen thuộc trong đời sống hằng ngày. Hãy sử dụng kính đeo mắt phù hợp để giúp nó trở thành vệ sĩ bảo vệ, đồng hành hoàn thiện với đôi mắt -"cửa sổ tâm hồn" của mỗi chúng ta.

***Đề 7***: Thuyết minh về cái cặp sách

**Dàn ý chi tiết:**

**1. MỞ BÀI:**

– Giới thiệu chiếc cặp sách là người bạn đồng hành lâu dài với lứa tuổi học trò trong suốt thời gian cắp sách đến trường.

**2. THÂN BÀI:**

**\* Nguồn gốc, xuất xứ:**

– Xuất xứ: Vào năm 1988, nước Mỹ lần đầu tiên sản xuất ra chiếc cặp sách mang phong cách cổ điển.

– Từ sau 1988, cặp sách đã được sử dụng phổ biến nhiều nơi ở Mỹ và sau đó lan rộng ra khắp thế giới.

**\* Cấu tạo:**

– Chiếc cặp có cấu tạo rất đơn giản.

+ Phía ngoài: Chỉ có mặt cặp, quai xách, nắp mở, một số cặp có quai đeo,.

+ Bên trong: Có nhiều ngăn để đựng sách vở, bút viết, một số cặp còn có ngăn để đựng áo mưa hoặc chai nước,.

**\* Quy trình làm ra chiếc cặp:**

– Có nhiều loại cặp sách khác nhau như: Cặp táp, cặp da, ba-lô. Với nhiều nhãn hiệu nổi tiếng như: Của Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc: Tian Ling, Ling Hao, mang những phong cách thiết kế riêng biệt. Tuy nhiên cách làm chúng đều có phần giống nhau.

+ Lựa chọn chất liệu: Vải nỉ, vải bố, da cá sấu, vải da,.

+ Xử lý: Tái chế lại chất liệu để sử dụng được lâu dài, bớt mùi nhưng vẫn giữ được nét đặc trưng của chất liệu đó.

+ Khâu may: Thông thường các xí nghiệp sử dụng máy may để may từng phần của chiếc cặp lại với nhau theo thiết kế.

+ Ghép nối: Ghép các phần đã được may thành một chiếc cặp hoàn chỉnh rồi được tung ra thị trường với những giá cả khác nhau.

**\* Cách sử dụng:**

– Tùy theo từng đối tượng mà con người có những cách sử dụng cặp khác nhau:

+ Học sinh nữ: Dùng tay xách cặp hoặc ôm cặp vào người.

=> Thể hiện sự dịu dàng, thùy mị, nữ tính.

+ Học sinh nam: Đeo chéo sang một bên

= > Thể hiện sự khí phách, hiêng ngang, nam tính.

Nam sinh viên Đại học

Đeo cặp một bên thể hiện sự tự tin và năng động

+ Học sinh tiểu học: Đeo sau lưng để dễ chạy nhảy, chơi đùa cùng đám bạn.

=> Thể hiện sự nhí nhảnh, ngây thơ của lứa tuổi cấp 1.

Các nhà doanh nhân: Sử dụng các loại cặp đắt tiền, xịn, thường thì họ xách trên tay.

=> Thể hiện họ thật sự là những nhà doanh nhân thành đạt và có được nhiều thành công cũng như sự giúp ích của họ dành cho đất nước.

– Nhìn chung, khi mang cặp cần lưu ý không nên mang cặp quá nặng, thường xuyên thay đổi tay xách và vai đeo.

**\* Cách bảo quản:**

– Học sinh chúng ta thường khi đi học về thì quăng cặp lên trên cặp một cách vô lương tâm khiến cặp dễ bị rách hay hư hao. Nên bảo quản cặp bằng những phương pháp sau đây để giữ cho cặp bền tốt và sử dụng được lâu:

+ Thường xuyên lau chùi hoặc giặt cặp để giữ độ mới của cặp.

+ Không quăng cặp hay mạnh tay để tránh làm rách cặp hay hư hao.

+ Cứ khoảng 1 – 2 lần mỗi năm, hãy làm mới cặp bằng xi đánh giày không màu.

+ Để sửa chữa cặp khi bị rách, đừng nên mang đến hàng sửa giày hay giặt khô vì như vậy sẽ có nguy cơ bị hỏng do dùng sai công cụ. Hãy đưa đến thợ sửa cặp chuyên nghiệp.

+ Đừng bao giờ cất cặp da trong túi nilon, nó có thể làm khô túi hoặc bị chất dẻo dính vào da.

+ Thường xuyên nhét giấy vụn hoặc áo phông cũ vào cặp để giữ hình dáng.

+ Đặt cặp trong túi nỉ của cửa hàng hoặc vỏ gối để giữ khả năng đứng thăng bằng của cặp.

**\* Công dụng:**

– Cặp là vật để chúng ta đựng sách vở, bút viết mỗi khi đến trường.

– Cặp cũng là vật để che nắng, che mưa cho sách vở. Một số bạn cũng sử dụng cặp để che mưa cho chính bản thân.

– Cặp cũng là vật đã để lại không biết bao nhiêu kỷ niệm vui, buồn, đồng thời cũng tô lên nét đẹp của tuổi học trò – cái tuổi đẹp nhất trong cuộc đời của mỗi người chúng ta. tài liệu Thu Nguyễn

**3. KẾT BÀI:**

– Cùng với những vật dụng tiện lợi khác, chiếc cặp sách đã trở thành một người bạn trung thành và luôn đồng hành với mỗi con người, đặc biệt là đối với những học sinh – chủ nhân tương lai của đất nước Việt Nam.

***Đề 8***: Thuyết minh về đôi dép lốp trong kháng chiến.

Dàn ý chi tiết:

**1. Mở bài:**

Giới thiệu đôi dép lốp trong kháng chiến: là đôi dép lốp cao su đã gắn bó thân thiết với cán bộ chiến sĩ và cả vị lãnh tụ Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ.

**2. Thân bài:**

***a/ Lịch sử ra đời:***

* Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Cách mạng nước ta gặp muôn vàn khó khăn.

- Lúc đó cuộc sống sinh hoạt của bộ đội và nhân dân ta rất thiếu thốn nên nhân dân ta đã tận dụng những lốp xe ô tô cũ để sáng tạo nên đôi dép cao su.

* Sự tiện lợi của đôi dép lốp dẫn đến việc nó trở nên phổ biến ở Việt Nam trong cả hai cuộc chiến tranh.

***b/ Hình dáng, cấu tạo, chất liệu:***

- Đôi dép lốp có hình dáng giống những đôi dép bình thường.

- Quai dép được làm từ săm (ruột) xe ôtô đã qua sử dụng. Hai quai trước bắt chéo nhau, hai quai sau song song, vắt ngang cổ chân, bề ngang mỗi quai khoảng 1,5cm.

- Đế dép được làm từ lốp (vỏ) của xe ôtô hoặc được đúc bằng cao su. Đế được đục những cái lỗ để xỏ quai qua. Điều kì lạ là giữa quai và đế được cố định chắc chắn vào nhau không bằng bất cứ một thứ keo kết dính nào mà nhờ vào sự giãn nở của cao su.

- Dưới đế dép có những rãnh hình thoi để các chiến sĩ đi đường lầy lội cho đỡ trơn.

***c/ Nét đặc biệt, công dụng:***

- Dép lốp cao su dễ làm, giá thành lại rẻ và nhất là dễ sử dụng trong mọi địa hình, dù đèo cao hay suối sâu, đường lầy lội hay đất bụi đều đi rất dễ dàng. Do các quai dép ôm vừa khít với bàn chân nên chiến sĩ ta đi không biết mỏi vì cảm giác rất nhẹ

- Dép lốp rất tiện sử dụng, cả thời tiết nắng nóng và mưa dầm. Trời nắng thì thoáng mát, mưa dầm thì không lo sũng nước. Dép lốp cũng dễ vệ sinh. Khi dính bùn đất chỉ cần rửa nước là sạch.

(So sánh với sự bất tiện khi mang giày: Trời nắng thì đổ mồ hôi khó chịu, trời mưa thì ướt sũng dễ sinh các bệnh ngoài da. Đặc biệt điều kiện khó khăn lúc bấy giờ thì khó cung cấp đủ giày cho các chiến sĩ. Dép lốp khắc phục được tất cả các nhược điểm này).

- Dép lốp lại rất bền phù hợp với điều kiện khó khăn của cuộc kháng chiến còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Một thời đôi dép lốp gắn liền với hình ảnh Bác Hồ.

***d/ Bảo quản:***

- Dép lốp không chỉ rẻ, bền, dễ sử dụng mà còn rất dễ bảo quản:

- Để dép lốp được bền thì các chiến sĩ ta không để chúng ở nơi có nhiệt độ cao.

- Đi đường dính bùn đất về nên rửa sạch.

e/ Ý nghĩa:

- Đôi dép lốp đã cùng các anh bộ đội vượt qua hai cuộc kháng chiến.

- Đôi dép lốp gắn với hình ảnh giản dị Bác Hồ.

- Vì vậy đôi dép lốp không chỉ bảo vệ đôi chân khỏi sỏi đá, sành, gai mà nó đã trở thành biểu tượng của những năm tháng kháng chiến vất vả mà tươi đẹp làm nên lịch sử hào hùng của dân tộc ta.

**3. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của đôi dép lốp, là vật chứng tiêu biểu cho nhân cách và cả một quá trình gian khổ của quân nhân Việt Nam.

- Những đôi dép lốp mãi mãi là một kỉ vật nhắc nhở các thế hệ trẻ hôm nay nhớ lại một thời gian khổ mà oanh liệt của ông cha đã trải qua để tự hào và sống một cách xứng đáng.

***Đề 9***: Thuyết minh về chiếc cặp sách

Dàn ý:

**1, MỞ BÀI:** Dẫn dắt và giới thiệu đến đối tượng mà đề bài yêu cầu: Chiếc cặp sách.

**Tham khảo:** Những ngày tháng đến trường, tôi có sách vở làm bạn, có những vật dụng thân thương gắn bó. Bên cạnh ấy, có một người bạn thân thiết mỗi ngày đều giúp tôi mang theo sách vở, đó chính là chiếc cặp sách.

**2, THÂN BÀI**

**a, Nguồn gốc:**

* Cặp sách là phát minh quan trọng nhất của loài người.
* Một người Mĩ đã sáng chế ra chiếc cặp sách vào năm 1988.

**b, Cấu tạo:**

* Hình dáng: Các loại cặp hiện nay chúng ta dùng thường có hình chữ nhật, hình thang cân hoặc là một nửa hình tròn ghép lại với một hình chữ nhật và hình vuông. → Có thể nói, hiện nay hình dáng của cặp sách khá đa dạng, để người đọc tự do chọn lựa.
* Kích thước: Tuỳ theo mong muốn của người dùng mà cũng có nhiều kích thước khác nhau sao cho phù hợp.
* Màu sắc: Thường có màu đen đối với cặp của học sinh cấp 2 đổ lên. Với cặp của học sinh tiểu học thì sẽ có màu sắc đa dạng hơn.
* Chất liệu: Chủ yếu là được làm từ vải nilon hoặc cotton nên rất bền chắc. Có một số loại cặp được làm từ da thú, vải mềm hay polime dẻo… đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.
* Khung cặp: Đa số hiện nay, các loại cặp đều có khung cố định, chỉ trừ balo mà thôi. Thường thì khung cặp là yếu tố hình thành nên hình dáng của cặp. Khung hình chữ nhật thì cặp sẽ có hình chữ nhật, khung hình thang thì cặp sẽ có khung hình thang...
* Quai cặp: Có 2 loại, gồm quai cặp để xách và quai để đeo. Quai cặp để đeo thường khá dài, dày và bên trong có bông để khi đeo lên vai không bị đau, ở phía sau cặp. Hai quai sẽ đối xứng với nhau ở hai bên. Ngoài ra, ta còn có thể chỉnh độ dài của quai đeo sao cho vừa với người. Còn quai để xách thì thường ở ngay phía trên cặp, được bọc bằng da mềm. Hiện nay, cặp sách đều đồng thời có 2 loại quai để người dùng linh hoạt sử dụng.
* Khoá cặp: Thường được làm bằng nhựa, kim loại và ở phần ngoài cặp. Một số cặp như cặp tài liệu thì sẽ là khoá có số để có thể bảo mật.
* Mặt trước, mặt sau: Tuỳ theo loại cặp mà mặt trước mặt sau sẽ có màu sắc, hình ảnh khác nhau. Cặp của học sinh tiểu học thường có màu sáng, mặt trước sẽ có những hình đáng yêu ngộ nghĩnh, của con trai là siêu nhân, con gái là công chúa… Còn cặp khác thì mặt trước sẽ có logo nhà sản xuất, mặt sau thường không có gì cả...
* Ngăn cặp: Thường thì sẽ có từ 2 đến 6 ngăn to nhỏ khác nhau tuỳ theo loại cặp ra sao. Sẽ luôn có một ngăn lớn nhất để đựng sách, ngoài ra còn có các ngăn nhỏ hơn để đựng hộp bút hay quyển lịch, bùa bình an, khe để bút… Các ngăn cặp được đóng mở lại bởi dây kéo hoặc là khoá.

1. Sử dụng và bảo quản:

* Để sử dụng cặp đúng cách các bạn cần lưu ý:

+ Chiếc cặp khi đeo không nên vượt quá 15% trọng lượng cơ thể.

+ Nên xếp đồ nặng nhất vào vào phần trong của cặp( phần tiếp giáp với lưng)

+ Đối với cặp chỉ có một quai để đeo nên thay đổi vai đeo để bảo vệ sức khỏe.

+ Đối với cặp hai quai mình nên đeo cả hai quai một cách cân đối không nên đeo 1 quai dễ gây vẹo cột sống.

* Các bảo quản: Thường xuyên vệ sinh cặp sạch sẽ, không nên ném cặp hay vì tò mò, nghịch ngợm mà phá cặp ra...

**3, KẾT BÀI:** Nêu tình cảm và suy nghĩ của bản thân đối với chiếc cặp sách.

**Tham khảo:** Chiếc cặp sách - người bạn thân thương đã đồng hành cùng ta suốt những năm tháng đến trường, giúp ta mang bao sách vở tri thức mỗi ngày. Mỗi người nên bảo vệ và giữ gìn cặp cẩn thận để nó được bền lâu.

**Đề 10:** Thuyết minh về một đồ dùng quen thuộc trong gia đình em( cái phích nước.)

Lập dàn ý

**1, Mở bài:** Giới thiệu đối tượng thuyết minh.

**Tham khảo:** Trong gia đình, luôn có những vật dụng hữu ích và cần thiết cho cuộc sống sinh hoạt. Trong đó, chiếc phích hay còn gọi là bình thủy- đồ dùng để giữ nhiệt cho nước nóng rất thông dụng, xuất hiện trong mọi gia đình.

**2, Thân bài:**

* Nguồn gốc: Vào năm 1892, một nhà bác học người Anh, Pawar, đã cải tiến chiếc máy đo nhiệt lượng của Newton thành chiếc bình thủy có khả năng giữ nhiệt. Chiếc bình thủy có thiết kế nhỏ gọn, không quá to, cồng kềnh hay khó di chuyển như chiếc máy trước nên rất được thông dụng.
* **Cấu tạo**
* Về hình dáng, phích nước thường có hình trụ, làm bằng nhựa hoặc bằng sắt; đế bằng, cao khoảng 35- 40 cm giúp cho phích đứng thẳng mà không bị đổ. Phích có cấu tạo hai phần: phần vỏ có nắp.
* Nắp trong làm bằng gỗ hay xốp, nắp ngoài làm bằng nhựa hay bằng nhôm. Quai xách, tay cầm gắn với thân phích.
* Ngoài phích có hoa văn ( họa tiết hay phong cảnh) với nhiều màu sắc khác nhau.
* Chiếc phích có phần ruột làm bằng thủy tinh tráng bạc để giữ nhiệt, đáy có một núm- van hút khí. Van càng nhỏ thì khả năng giữ nhiệt càng cao. Ở giữ vỏ phích và ruột phích là một lớp chân không để cách nhiệt.

Có nhiều loại phích được sử dụng nhưng phổ biến là hai loại: loại nhỏ: chưa được một lít nước, loại lớn chứa được 2,5- 3 lít nước. Hiện nay, loại phích đã quen thuộc với bao thế hệ gia đình trong bao nhiêu năm qua là phích Rạng Đông với nhiều kiểu dáng, màu sắc và rất bền, giá cả hợp lí với người dùng. tài liệu Thu Nguyễn

* **Công dụng:**
* Trong ngày, chiếc phích giúp giữ nhiệt ở nhiệt độ từ 70- 100 độ.
* Có chiếc phích trong nhà, sẽ bớt được rất nhiều thời gian và công sức để đun nước mỗi khi có việc.
* Chiếc phích là người bạn không thể thiếu khi uống trà hay pha cà phê. Nhiệt độ nước sẽ quyết định rằng trà có ngon, có đạt đúng hương vị của nó không.
* Với những nhà khi chuẩn bị sinh đẻ, những chiếc phích là vật dụng rất cần thiết. Chẳng gì tiện lợi và nhanh gọn bằng chiếc phích có thể di chuyển dễ dàng.
* Những chiếc phích đi liền với những năm tháng thời bao cấp cầm từng đồng để đi mua nước nóng ngoài đầu hẻm vì ngại đun nước mới, đi liền với sự xuất hiện của những đứa trẻ cũng như trong bữa cơm của mỗi gia đình. Dù cho thời ấy, một chiếc phích cũng chẳng rẻ là bao nhưng không thể không có trong mỗi gia đình. Và đến ngày nay, những chiếc phích vẫn có một vị trí không đổi trong mỗi căn nhà. Nó là người bạn của người già và trẻ em. Một phích nước đem lại sức khỏe với mỗi chén trà, cốc sữa nóng trong mùa đông lạnh.
* Cách bảo quản:
* Phích mới được mua về, nên đổ nước ấm khoảng nửa bình, sau đó đậy nắp lại.
* Sau khoảng vài phút, mở phút ra, tráng với một lượt nước mới rồi đổ nước nóng vào. Như thế sẽ giúp cho chiếc phích không bị sốc nhiệt và nổ, tăng tuổi thọ cho phích.
* Vào buổi sáng, nếu còn nước cũ ngày hôm qua, nên đổ đi, tráng sạch cặn rồi đổ nước mới vào. Muốn giữ được nhiệt lâu, không nên đổ nước quá đầy, giữ một khoảng trống giữ nước và nút vì hệ số truyền nhiệt của nước lớn hơn của không khí.
* Sau một thời gian sử dụng, những chiếc phích làm từ kim loại sẽ bị gỉ, làm giảm khả năng bảo vệ của phích. Cần thay vỏ mới để an toàn khi sử dụng. Những chiếc phích bị vỡ ruột cũng có thể thay ruột phích mới để tiết kiệm, không cần thiết phải mua phích mới. Những chiếc bình thủy thế cần để xa tầm tay trẻ em và những nơi có lửa, để những nơi cao ráo.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại vai trò của vật dụng

**Tham khảo:** Ngày nay, nhiều loại ấm đun nước, ấm siêu tốc ra đời khiến những chiếc bình thủy chục năm nay bỗng dần bị lép vế. Nhưng những chiếc phích vẫn luôn là người bạn đồng hành thân thiết, tiện lợi nhất trong di chuyển và sinh hoạt của mỗi người.

**………………………………………………………………………..**

***Dạng 2***:

Thuyết minh về một cách làm.

**Đề 1: T**huyết minh về cách làm một món ăn.( món trứng rán)

**Dàn ý:**

1. **Mở bài:**

* Bạn là một người sành ăn, thích ăn nhiều thứ. Vậy món trứng được những người đầu bếp chế tạo ta những mán ăn ngon như: trứng sốt cà chua, trứng đúc thịt lợn. Sau đây là cách làm món trứng rán.

1. **Thân bài:**

**a, Nguyên liệu (cho 4 người ăn)**

* Trứng 4 quả
* Hành 30g
* Dầu ăn: 2 thìa cà phê, 1 thìa cà phê muối, bột ngọt.
* Các nguyên liệu phụ khác: dưa chuột, cà chua, ớt.

**b, Cách làm**

+ Ta bắc chảo lên bếp cho khoảng một thìa to mỡ, hoặc dầu ăn vào chảo. Đập trứng vào bát, dùng đũa quấy đều lòng đỏ với lòng trắng. Nhặt sạch hành, chọn hành tươi, lá không bị dập, bỏ rễ vào rửa sạch. Cho vào thớt thái lá và củ hành cho nhỏ. Cho hành vào trứng, nêm mắm và gia vị vào.

+ Chờ cho mỡ sôi già ta đổ trứng vào, khi trứng chín vàng ta lật mặt sau lên vặn nhỏ lửa. Chờ cho mặt sau vàng, cuộn trứng lại, xếp ra đĩa, cát thành từng miếng.

+ Để cho đĩa trứng thêm phần hấp dẫn, ta có thể xếp xung quanh đĩa trứng vài lát dưa chuột cho đẹp hoặc thái cà chua thành bông hoa đặt lên trên.

**c, Yêu cầu thành phẩm:**

* Trứng tráng phải có màu sắc vàng tươi, không được rán cháy, vừa ăn, mùi thơm, trang trí hợp lí, đẹp mắt.
* Món ăn phải gợi được cho mọi người yêu thích, muốn ăn.
* Món trứng rán ăn kèm với cơm.

1. **Kết bài: Cảm nghĩ về món ăn**

**Đề 2:** Giới thiệu cách làm món bánh chưng ngày tết.

**1. Mở bài:** Giới thiệu chung đối tượng thuyết minh.

- Bánh chưng xuất hiện từ lâu đời, gắn liền với truyền thuyết về hoàng tử Lang Liêu, người làm ra bánh chưng, bánh giày.

- Bánh chưng được dùng để dâng cúng trời đất, tổ tiên trong dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc.

**2. Thân bài:**

**a, Hình thức chiếc bánh chưng:**

- Bánh chưng hình vuông

- Hình thức trông giản dị, mộc mạc vi được gỏi bằng lá dong và buộc bằng lạt giang chẻ mỏng

**b, Nguyên liệu làm bánh chưng:**

- Lá Dong cắt cuống, rửa sạch, lau khô. Lạt giang nhúng nước cho mềm.

- Gạo nếp vo kĩ, ngâm nước một đêm, xả cho ráo.

**c, Đậu xanh đãi sạch vỏ.**

- Thịt lợn (heo) thường là thịt lưng có cả nạc lẫn mỡ, thái miếng to bằng nửa bàn tay, ướp muối, tiêu, hành...

**d, Cách gói bánh chưng:**

- Trải lá dong ra mâm (hoặc nong), xúc một bát gạo nếp đổ vào, dàn đều rổi đổ nửa bát đỗ xanh, xếp thịt vào giữa, đổ thêm nửa bát đỗ và một bát gạo nữa. Tãi cho gạo phủ kín đậu và thịt. Đậy lá dong lên rổi gấp và bẻ cho vuông bốn góc. Buộc chặt bằng tám chiếc lạt giang.

- Xếp đứng từng cặp bánh vào thùng nấu, đáy thùng lót cuống lá dong. Đổ ngập nước, đun đểu lửa tử sáu đến tám tiếng đóng hổ.

- Vớt bánh ra cho nguội rồi xếp thành hàng trên ván hoặc chõng, trên để một tấm ván nữa, dàn bằng cối đả hoặc vật nặng, bánh ráo nước mới dẻo.  
**e, Hương vị bánh chưng.**

- Gạo nếp dẻo, đỗ xanh bùi, thịt béo, hành, hạt tiêu thơm... hoà quyện nên hương vị đặc biệt không thứ bánh nào có được. tài liệu Thu Nguyễn

- Bánh chưng được làm bằng những sản phẩm nông nghiệp do người nông dân vất vả tạo ra.

- Bánh hình vuông tượng trưng cho mặt đất với cây cối, muông thú... Lá bọc kín, lạt buộc chặt có ý nghĩa yêu thương lẫn nhau.

- Bánh chưng vừa là sáng tạo vật chất, vừa là sáng tạo tinh thần mang đậm đà ấn của người Việt cổ.

**3. Kết bài:** Cảm nghĩ của em.

- Không khí gói bánh chưng ngày Tốt thật vui vẻ, đầm ấm.

- Trên bàn thờ tổ tiên phải có bánh chưng mới gợi được không khí thiêng liêng của ngày Tết Nguyên Đán.

**…………………………………………………..**

***Dạng 3***: Thuyết minh về một thể loại văn học.

**Dàn ý chung:**

**Đề 1:** Thuyết minh về thể thơ lục bát.

1. **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về thể thơ lục bát

**-** Thơ lục bát là thể thowdo người Việt sáng tạo.

**-** Đó là thể thơ dễ nhớ, dễ thuộc, dễ bộc lộ cảm xúc.

**2. Thân bài.**

**a. Các đặc điểm của thể thơ lục bát:**

Lục bát chỉnh thể (tuân đúng những quy định)

\* Số câu, số tiếng:

- Số dòng: Một câu gồm hai dòng (một cặp) gồm: Một dòng có sáu tiếng và một dòng có tám tiếng.

- Số câu: Không giới hạn nhưng khi kết thúc phải dừng lại ở câu tám tiếng.

Một bài thơ lục bát: Có thể có một câu, hai câu, ba câu hay có thể có nhiều câu nối dài.

\* Cách gieo vần:

- Âm tiết cuối của dòng sáu tiếng hiệp vần với âm tiết thứ sáu cuả dòng tám tiếng theo từng cặp. Âm tiết cuối của dòng tám tiếng lại hiệp vần với âm tiết thứ sáu của dòng sáu tiếng nối tiếp. Cứ thế luân chuyển như vậy cho đến hết bài.

- Vần cuối dòng là vần chân, vần ở giữa dòng là vần lưng.

Ví dụ:

Ta về mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
(Việt Bắc – Tố Hữu)

\* Phối thanh:

- Chỉ bắt buộc: Các tiếng thứ tư phải là vần trắc; các tiếng thứ hai, sáu, thứ tám phải là vần bằng.

- Nhưng câu tám tiếng thì tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám phải khác dấu (nếu tiếng trước là dấu huyền thì tiếng sau phải không có dấu và ngược lại).

- Các tiếng thứ một, ba, năm, bảy của cả hai câu sáu tiếng, tám tiếng và âm tiết thứ hai (của cả hai câu) có thể linh động tuỳ ý về bằng trắc

Ví dụ:

Bần thần hương huệ thơm đêm

b t b

Khói nhang vẽ nẻo đường lên Niết Bàn

B t b b

Chân nhang lấm láp tro tàn

b t b

Xăm xăm bóng mẹ trần gian thuở nào.

b t b b

(Mẹ và em – Nguyễn Duy)

\* Nhịp và đối trong thơ lục bát:

- Cách ngắt nhịp khá uyển chuyển và phổ biến là nhịp chẵn: Nhịp 2 / 4; Nhịp 3/3, 4/4, 2/2/2/2

Ví dụ:

Vì mây / cho núi / lên trời,  
Vì chưng / gió thổi / hoa cười/ với trăng.

Hay:

Gió sao / gió mát / sau lưng  
Dạ sao / dạ nhớ / người dưng / thế này?  
(Ca dao)

\* Đối: Thơ lục bát không nhất thiết phải sử dụng phép đối. Nhưng đôi khi để làm nổi bật một ý nào đó, người làm thơ có thể sử dụng tiểu đối trong từng cặp hoặc từng câu thơ.

**b. Trường hợp Ngoại lệ**:

\* Lục bát biến thể:

- Số chữ tăng lên: Vần lưng tất nhiên cũng xê dịch theo.

- Thanh: Tiếng thứ hai có thể là thanh trắc:

- Gieo vần: Có thể gieo vần trắc:

**c. Tác dụng của thơ lục bát:**

- Tiếng nói của tâm hồn người Việt, phản ánh đời sống nội tâm phong phú của người Việt.

- Là thể thơ giản dị nhưng biến hóa vô cùng linh hoạt.

- Dễ nhớ, dễ thuộc, chứa chan cảm xúc dễ dàng trở thành những câu hát ru quen thuộc đối với mọi lứa trẻ.

**3. Kết bài**: Đánh giá vị trí của thơ lục bát trong nền văn học Việt Nam.

- Bắt nguồn từ ca dao, dân ca, được phát triển qua các truyện thơ Nôm, các kịch bản ca kịch dân tộc và đạt đến mức hoàn thiện với các thiên tài như Nguyễn Du …

- Được tiếp tục phát huy qua các thế hệ sau như Tố Hữu …

-> Thơ lục bát có sức sống mãnh liệt trong nền thơ ca hiện đại Việt nam.

**Đề 2: Thuyết minh về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**

**1, Mở bài:**  
- Giới thiệu: Trong văn học Việt Nam, đặc biệt là văn học trung đại, thế thơ thất ngôn bát cú Đường luật chiếm một vị trí quan trọng.  
- Các nhà thơ lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có những bài thơ hay viết theo thể thơ này.  
   
**2, Thân bài:**  
**a, Giới thiệu xuất xứ của thể thơ:** Xuất hiện từ đời Đường - Trung Quốc và được thâm nhập vào Việt Nam từ rất lâu.  
**b, Nêu đặc điểm của thể thơ:**

* Cấu trúc bài thơ thất ngôn bát cú gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. Bài thơ gồm bốn phần: Hai câu đề nêu cảm nghĩ chung về người, cảnh vật, hai câu thực miêu tả chi tiết về cảnh, việc, tình để làm rõ cho cảm xúc nêu ở hai câu đề; hai câu luận: bàn luận, mở rộng cảm xúc, thường nêu ý tưởng chính của nhà thơ; hai câu kết: khép lại bài thơ đồng thời nhấn mạnh những cảm xúc đã được giãi bày ở trên. Cấu trúc như vậy sẽ làm tác giả bộc lộ được tất cả nguồn cảm hứng sáng tác, ngạch cảm xúc mãnh liệt để viết lên những bài thơ bất hủ.
* Luật bằng – trắc: Nếu tiếng thứ hai của câu 1 là vẫn bằng thì gọi là thể bằng, là vần trắc thì gọi là thể trắc. Thể thơ quy định rất nghiêm ngặt về luật bằng trắc. Luật bằng trắc này đã tạo nên một mạng âm thanh tinh xảo, uyển chuyển cân đối làm lời thơ cứ du dương như một bản tình ca. Người ta đã có những câu nối vấn đề về luật lệ của bằng trác trong từng tiếng ở mỗi câu thơ: các tiếng nhất - tam - ngũ bất luận còn các tiếng: nhị - tứ - lục phân minh. Tuy nhiên trong quá trình sáng tác bằng sự sáng tạo của mình, các tác giả đã làm giảm bớt tính gò bó, nghiêm ngặt của luật bằng - trắc để tâm hồn lãng mạn có thể bay bổng trong từng câu thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang" được viết theo thể bằng:

"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

 t T b B t T B

Cỏ cây chen đá lá chen hoa"

 t B b T t B B

Chẳng hạn bài thơ viết theo luật bằng- trắc: Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác của Phan Bôị Châu như sau :

Vẫn(T) là(B) hào(B) kiệt(T), vẫn(T) là(B)phong(B) lưu(B),

Chạy(T) mỏi(T)chân(B) thì(B) hãy(T)ở(T) tù(B).

Đã(T) khách(T) không(B) nhà(B)trong(B) bốn(T)biển(T),

Lại(T) người(B) có(T) tội(T) giữa(T)năm(B) châu(B)  
  
- Vế đối, thể thơ có đối ngẫu tương hỗ hoặc đối ngẫu tương phản ở các câu: 3 - 4, 5 – 6. Ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 - 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thưa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5-6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa.

Ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 - 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thưa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5-6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa. tài liệu Thu Nguyễn  
- Còn về cách ngắt nhịp của thể thơ, phổ biến là 3 - 4 hoặc 4 - 3 (2 - 2 - 3; 3 - 2 - 2). Cách ngắt nhịp tạo nên một nhịp điệu êm đềm, trôi theo từng dòng cảm xúc của nhà thơ.

VD: Bước tới Đèo Ngang / bóng xế tà.(4/3)

* Về vần, thể thơ thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1-2-4-6-8. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang”, vẫn được gieo là vần "a".

- Ưu - nhược điểm: Thơ thất ngôn bát cú Đường luật ngắn gọn; hàm súc, cô đọng; giàu nhạc điệu; lời ít, ý nhiều

* Nhược điểm: khá gò bó, đòi hỏi niêm, luật chặt chẽ nên không dễ làm.

Tuy thế, thể thơ thất ngôn bát cú phải tiuaan thủ theo những quy tắc chặt ché, khó có thể làm được những bài thơ hay. Tuy nhiên, nhiều nhà thơ Việt Nam như: Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tú Xương đã sử dụng thể thơ Đường luật để lại nhiều bài thơ có giá trị.   
**3, Kết bài:** Nêu giá trị của thể thơ này.

***Tham khảo:***  Đây là thể thơ có vai trò rất quan trọng trong đời sống văn họ dân tộc. Nó có một giá trị bền vững, lâu dài trong nền văn học Việt Nam.

**……………………………………………………**

***Dạng 4***:

Thuyết minh về một tác giả và tác phẩm văn học.

***Đề bài***

Viết bài văn thuyết minh về tác giả Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc”

1. **Mở bài**

* Nam Cao là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc giai đoạn 1930 – 1945.
* “Lão Hạc” là truyện ngắn tiêu biểu của ông về đề tài tiêu biểu của ông về đề tài người nông dân trước cách mạng tháng tám.
* Truyện ngắn đã đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

1. **Thân bài:**

**\* Thuyết minh về tác giả Nam Cao**

* Nam Cao tên khai sinh là Trần Hữu Tri, sinh năm 1915, mất năm 1951, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam( nay là xã Hòa Hậu, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam)
* Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ. Sau cách mạng, Nam Cao chân thành, tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến. Ông hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996. Các tác phẩm chính của ông: Chí Phèo( 1941), Giăng sáng( 1942), Đời thừa( 1943)…

**\* Thuyết minh về tác phẩm “ Lão Hạc”**

**-** Truyện ngắn “Lão Hạc” được đăng báo lần đầu năm 1943, truyện kể về nhân vật chính - lão Hạc, một lão nông dân nghèo khổ, có phẩm chất trong sạch, vợ lão Hạc mất sớm, để lại lão và câu con trai, trong nhà tài sản duy nhất của hai cha con lão là một mảnh vườn và “cậu vàng” – con chó do con trai lão mua. Do không đủ tiền cưới vợ, con trai lão chán nản mà làm đơn xin đi mộ phu đồn điền cao su, để lão ở nhà một mình với cậu vàng. Lão Hạc hết sức thương con, lão chăm vườn, làm ăn giành dụm để khi con trai lão về thì cưới vợ cho nó. Thế nhưng, sau một trận ốm nặng, bao nhiêu tiền giành dụm cũng hết, sức khoẻ lão ngày một yếu đi, vườn không có gì để bán, lão Hạc trở nên đói kém hơn, phải lo từng bữa ăn. Lão ăn năn day dứt khi quyết định bán cậu vàng, người bạn thân thiết của lão. Lão gửi số tiền và mảnh vườn cho ông giáo và xin bả chó của Binh Tư để kết thúc cuộc sống túng quẫn của mình. Lão chết một cách đau đớn, nhưng cái chết làm sáng ngời phẩm chất trong sạch của lão Hạc.

**- Về giá trị nội dung:**

+ Thông qua số phận và cái chết của lão Hạc, Nam Cao đã thể hiện một thái độ trân trọng và cái nhìn nhân đạo đối với lão Hạc nói riêng và người nông dân nói chung, những con người nghèo khổ nhưng sống trong sạch, thà chết chứ không chịu mang tiếng nhục, làm những điều trái với lương tâm cao cả của mình.

+ Truyện còn cho ta thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn Nam Cao đối với những người nông dân nghèo khổ. Hình ảnh ông giáo chính là chân dung của nhà văn. tài liệu Thu Nguyễn

+ Đồng cảm với những số phận đáng thương, Nam Cao đã lên tiếng thông qua tác phẩm là tiếng nói lên án xã hội đương thời thối nát, bất công, không cho những con người có nhân cách cao đẹp như lão được sống.

* **Về giá trị nghệ thuật:** Truyện ngắn thể hiện tài năng xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong viết truyện kết hợp tự sư, miêu tả, biểu cảm, miêu tả sinh động diễn biến tâm lí nhân vật qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, kể chuyện hết sức sinh động.

1. **Kết bài:**

Có thể nói “Lão Hạc” là một truyện ngắn hết sức thành công của Nam Cao. Nhà văn vừa thể hiện được tấm lòng nhân đạo của mình, đồng thời đánh bật được nét phong cách nghệ thuật độc đáo hiếm có của ông.

**…………………………………………………**

***Dạng 5***:

Thuyết minh về một di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh.

**Dàn bài chung:**

**Mở bài:** Giới thiệu về một một di tích văn hóa hoặc một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

**Thân bài:**

- Nguồn gốc, địa điểm, khuôn viên, kiến trúc, cảnh quan, các hoạt động lễ hội...

- Vị trí của di tích hoặc danh lam thắng cảnh trong đời sống của nhân dân, lòng tự hào của người viết....

- Khẳng định vị trí của di tích hoặc danh lam thắng canghr( Giữ gìn, tôn tạo, quảng bá....)

**Kết bài:** Cảm nghĩ về di tích văn hóa hoặc một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

**Đề 1:** Thuyết minh về lăng Chủ Tịch Hồ Chí Minh.

**I. Mở bài: giới thiệu lăng Bác**

Bác Hồ là vị cha già kính yêu của dân tộc, Bác đã hi sinh cả đời mình để mang lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Mọi người dân Việt Nam luôn biết ơn sự hi sinh cao cả của Bác. Chính vì thế mà khi Bác mất, nhà nước đã xây lăng cho Bác gọi là Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, hay còn gọi là Lăng Hồ Chủ tịch, Lăng Bác, Lăng Ba Đình.

**II. Thân bài:** **thuyết minh về lăng Bác**

**1. Nguồn gốc của lăng:**

- Lăng Bác được khỏi công xây dựng vào ngày 2 tháng 9 năm 1973

- Lăng Bác được xây dựng tại quang trường Ba Đình, nơi Bác đã đưa ra các quyết định và tuyên ngôn.

- Lăng được khánh thành vào ngày 29 tháng 8 năm 1975

**2. Kết cấu của lăng:**

- Lăng có chiều cao 21,6m

- Lăng được cấu tạo 3 lớp:

+ Lớp dưới tạo dáng bậc thềm tam cấp.

+ Lớp giữa là kết cấu trung tâm của lăng gồm phòng thi hài.

+ Lớp trên cùng là mái lăng hình tam cấp.

- Quanh bốn mặt là những hàng cột vuông bằng đá hoa cương.

**3. Miêu tả khái quát lăng Bác:**

- Trên đỉnh lăng là hàng chữ "Chủ tịch Hồ Chí Minh", dòng chữ này được làm từ đá ngọc màu đỏ thẫm được lấy từ tỉnh Cao Bằng

- Tiền sảnh ốp đá hoa cương vân đỏ hồng, làm nền cho dòng chữ "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do" và chữ ký của Hồ Chí Minh được dát bằng vàng.

- 200 bộ cửa trong Lăng được làm từ các loại gỗ quý do nhân dân và bộ đội miền Trung gửi ra, và do các nghệ nhân nghề mộc của Nam Hà, Hà Bắc, và Nghệ An thực hiện

- Hai bên cửa chính là hai cây hoa đại.

- Quanh lăng có 79 cây vạn tuế tượng trưng cho 79 năm trong cuộc đời của Hồ Chủ tịch.

- Hai bên phía nam và bắc của lăng là hai rặng tre, loại cây biểu tượng cho nước Việt Nam.

- Trước cửa lăng luôn có hai người lính đứng gác, 1 giờ đổi gác một lần.

**4. Thời gian mở cửa:**

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mở cửa 5 ngày một tuần, vào các buổi sáng thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Bảy và Chủ nhật.

- Hàng năm Lăng đóng cửa để làm nhiệm vụ tu bổ định kỳ vào 2 tháng: tháng 10 và tháng 11.

**III. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về lăng Bác**

- Lăng Bác như tấm lòng của người dân Việt nam dành cho Bác

- Ai vào lăng cũng có một cảm giác bồi hồi khó tả.

**Đề 2:** Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.

**I. Mở bài**: giới thiệu vấn đề cần thuyết minh

- Hồ Gươm hay còn được gọi là Hồ Hoàn Kiếm. Đây là một hồ nước ngọt tự nhiên của thành phố Hà Nội. Hồ đã trải qua năm tháng lịch sử và chứng kiến bao cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc ta. Bên cạnh đó, hồ con là một nhân vật lịch sử trong thời xưa của đất nước, có vai trò rất quan trọng trong công cuộc bảo vệ đất nước.

**II. Thân bài**

***1. Vị trí địa lí và diện tích***

**a.** Vị trí địa lí

- Trung tâm quận Hoàn Kiếm

- Tả ngạn sông hồng

- Phía Đông Bắc: giáp phố Đinh Tiên Hoàng

- Phía Nam: Giáp phố Hàng Khay

- Phía Tây: Giáp phố Lê Thái Tổ

**b.** Diện tích

- Diện tích của hồ là hơn 12ha và dài 700m

***2. Tên gọi***

- LỤC THỦY: hồ được gọi với tên này vì nước hồ xanh quanh năm và là nơi sinh sống của nhiều loại tảo

- HỒ HOÀN KIẾM: tên gọi này bắt đầu từ thế kỷ 15, khi có truyền thuyết “Lê Lợi trả gươm cho Rùa thần”, ghi lại dấu ấn thắng lợi trong cuộc chiến chống quân Minh (1417-1427).

- TẢ VỌNG – HỮU VỌNG: đây là cái tên có từ Thời nhà Mạc, vua cho xây đập, ngăn hồ thành hai nửa để tìm rùa thần. Sau đó, cái đập được giữ lại. Nửa hồ phía Bắc là Tả Vọng, nửa hồ phía Nam là Hữu Vọng.

***3. Lịch sử***

- Vào thời vua Hồng Đức thì phần lớn xung quanh kinh thành khi ấy là nước. Hồ Hoàn Kiếm là một phân lưu sông Hồng chảy qua vị trí của các phố ngày nay như Hàng Đào, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Hàng Chuối.

-Thời Lê Trung Hưng chúa Trịnh xây dựng phủ Chúa

- Đầu thế kỉ 15 gắn với truyền thuyết “ Trả gươm” của vua Lê lợi

- Thời Pháp thuộc, Pháp chiếm Hà Nội

***4. Vẻ đẹp của Hồ***

- Hồ như một bức tranh sinh động và uyển chuyển, hai bên là những hàng cây bằng lăng và phượng vĩ

- Vào mùa thu Hồ như một bức tranh quyến rũ khiến bao người phải mê hoặc

- Quanh hồ còn có những di tích lịch sử gắn với những chiến tích oai hung của dân tộc

***5. Các công trình gắn liền với hồ***

- Tháp Rùa

- Đền Ngọc Sơn

- Đền Bà Kiệu (Thiên Tiên điện)

- Tượng đài cảm tử

- Chúa Ân - Tháp Hòa Phong

- Tượng đài Lý Thái Tổ

**6. Vai trò của hồ**

- Hồ có chức năng điều hòa khí hậu

- Là nơi sinh hoạt văn hóa và các lễ hội đặc sắc của Hà nội

- Là nơi yên tĩnh luyện tập thể dục thể thao

- Nguồn cảm hứng thơ ca và âm nhạc

**III. Kết bài**: Nêu cảm nghĩ của em về Hồ Gươm

- Hồ Gươm là một danh lam thắng cảnh vừa đẹp vừa thiêng liêng của nước ta.

- Là nơi thường diễn ra hội hè, những hoạt động văn hóa quan trọng.

- Thể hiện truyền thống hiếu học qua hình ảnh Tháp Bút, Đài Nghiên.

-Thể hiện truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua truyền thuyết vua Lê Thái Tổ trả gươm cho rùa vàng. Mọi người đều tự hào khi nói về Hồ Gươm, khi nói về đất nước. tài liệu Thu Nguyễn

**………………………………………………………**

**Dạng 6.** Thuyết minh về giống vật nuôi có ích( con trâu)

**Dàn ý chi tiết:**

**Mở bài:**

- Giới thiệu chung về hình ảnh con trâu trên đồng ruộng, làng quê Việt Nam.

+ Trâu là một loại động vật chủ yếu dùng vào việc kéo cày.

+ Trâu là người bạn của nhà nông từ xưa đến nay.  
  
**II. Thân bài:**

1. **Nguồn gốc,** Trâu Việt Nam có nguồn gốc từ trâu rừng thuần hóa, thuộc nhóm trâu đầm lầy.

2**. Đặc tính của loài trâu:**

- Là động vật thuộc lớp thú, có đặc điểm là động vật nhai lại. Vì đặc tính này nên trâu có 4 ngăn dạ dày: dạ sách, dạ tổ ong, dạ khế, dạ cỏ. Dạ cỏ giúp cho trâu có thể nhai lại.

- Trâu có 4 chân, 2 sừng của trâu rất là cứng và là vú khí của trâu dùng để tự vệ.

- Da mũi của trâu rất dày có thể xỏ dây qua để dắt trâu đi.

- Mắt thì tròn, lồi nhưng thị lực của trâu kém.\

- Trâu có đặc điểm mất hàm răng trên( kể tóm tắt câu chuyện liên quan) có thể vì vậy mà trâu phải nhai lại thức ăn.

- Trâu có kiểu ngủ rất đặc biệt: hai chân trước của trâu gập vào trong, đầu ghé lên đó mà ngủ ngon lành.

- Đuôi của trâu như chổi sể, thường ngoe nguẩy để đuổi ruồi, da trâu rất dày

- Lông trâu có màu xám, xám đen; thân hình vạm vỡ,thấp, ngắn; bụng to; mông dốc; sưng trâu hình lưỡi liềm…

- Trâu mỗi năm chỉ đẻ từ một đến hai lứa, mỗi lứa một con…

**2. Lợi ích của con trâu:**

**a. Trâu đối với ngừơi nông dân**

- Trâu nuôi chủ yếu để kéo cày, bừa, giúp người nông dân làm ra hạt lúa, hạt gạo. Đối với người nông dân “ con trâu la đầu cơ nghiệp”

- Là tài sản quý giá của nhà nông, không những thế trâu còn là bạn của trẻ em( ở bất cứ vùng quê nào ta cũng bắt gặp hình ảnh trẻ em chăn trâu trên đồng cỏ xanh hay ở tranh Đông Hồ có đứa trẻ cưỡi trâu thổi sáo.)

- Trâu cung cấp thịt; cung cấp da, sừng để làm đồ mĩ nghệ…

**b. Con trâu trong đời sống văn hóa:**

- Trâu là con vật lnh thiêng vì nó là một trong mười hai con giáp.

- Ai cũng biết câu chuyện sự tích sông Kim Ngưu. Con trâu nghe tiếng chuông bỏ chạy, để lại vết chân thành sông Kim Ngưu.

- Mỗi năm vào tháng 3 Đồ Sơn lại tổ chức hội trọi trâu để tìm ra con trâu khỏe nhất. tài liệu Thu Nguyễn

- Trâu là biểu tượng của SEAGAMES 22 của Đông Nam Á được tổ chức tại Việt Nam. Biểu tượng con trâu vàng mặc quần áo cầu thủ đón các vận động viên nước bạn là sự tôn vinh con trâu Việt Nam, người dân lao động Việt Nam.

**III. Kết bài:**

* Khẳng định lại vai trò của con trâu trong đời sống người nông dân ở làng quê Việt Nam.
* Nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
* **Tham khảo kết bài:** Trâu là người bạn thân thiết của nhà nông . Qua hình ảnh con trâu ta thấy được sự chăm chỉ, cần cù của người Việt Nam. Ta phải chăm sóc trâu vì nó có ích.